TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST Ngày 14-3-2025 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Kim N, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Khu phố R, thị trấn V, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, thị trấn V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Âu Văn M, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: Khu phố R, thị trấn V, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, thị trấn V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông M biết nhau thông qua người mai mối, có tìm hiểu thời gian ngắn thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An ngày 01/02/2005. Sau

ngày cưới, vợ chồng sinh sống tại khu phố R, thị trấn V một thời gian thì chuyển đến Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An sinh sống đến nay.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Âu Thị Ngọc T (Nữ), sinh ngày 01/11/2004 và Âu Trọng P (N1), sinh ngày 07/10/2010. Sau đó, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc, nguyên nhân do ông M hay nhậu nhẹt và ghen tuông vô cớ, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục duy trì được nữa nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là Âu Trọng P, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Âu Thị Ngọc T đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Âu Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2024 như sau: Ông M thống nhất với phần trình bày của bà N về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông chỉ đồng ý một phần. Ông M thừa nhận có nhậu nhẹt và có ghen tuông nhưng có lý do, vì bà N có biểu hiện né tránh ông, không ở nhà mà sang nhà mẹ ruột ở nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Ông M còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp phải ly hôn thì ông M yêu cầu được nuôi con chung Âu Trọng P, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Đối với con chung Âu Thị Ngọc T đã thành niên và sống tự lập. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng hiện tại như bà N trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chủ yếu do ông M không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới đánh đập bà N. Bà N không chịu đựng nổi nên đã về nhà mẹ ruột ở, khả năng hàn gắn rất khó vì ông M không thay đổi mặc dù bà N đã tạo nhiều cơ hội. Về điều kiện nuôi con, bà N có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con, ngoài ra cha mẹ bà N cũng có hỗ trợ thêm. Đối với ông Âu Văn M, có nghề làm hồ nhưng công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh lại thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà N và ông M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 01/02/2005 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà N đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà N và ông M hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà N vẫn kiên quyết ly hôn, ông M tuy không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra à N và ông M đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ Điều 19, 51, 56 xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Thị Kim N.

Về con chung: Bà N và ông M đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy con chung Âu Trọng P, sinh ngày 07/10/2010 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Bà N và ông M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà N và ông M trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Q chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Kim N về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố C, thị trấn V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông M xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long Anvào ngày 01/02/2005 nên là hôn nhân hợp pháp, bà N2 cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N3 giữa bà và ông M tiến đến quan hệ hôn nhân thông qua người mai mối, thời gian tìm hiểu không nhiều nên cuộc sống

vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông M sống thiếu trách nhiệm với gia đình và hay say xỉn, ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng và bà N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng cũng ly thân đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm nên khả năng hàn gắn không còn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà N cương quyết ly hôn, ông M không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc kết quả giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Thị Kim N.

[3] Về con chung: Bà N và ông M có 02 con chung, đối với con chung Âu Thị Ngọc T, sinh ngày 01/11/2004 đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét. Đối với con chung chưa thành niên Âu Trọng P, sinh ngày 07/10/2010 cả bà N và ông M đều có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thất con chung Âu Trọng P đã trên 7 tuổi và đang sống cùng bà N, nguyện vọng của em P muốn được sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên để đảm bảo môi trường sống ổn định và phù hợp nguyện vọng con chung trên 7 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi là phù hợp, đảm bảo theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông M trình bày vợ chồng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Kim N về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về hôn nhân: Bà Tô Thị Kim N được ly hôn với ông Âu Văn M.

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Âu Trọng P, sinh ngày 07/10/ 2010 cho bà Tô Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà N).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Tô Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002165 ngày 21/11/2024 sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn VH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh